

Số: 16/2019 QDST- DSST.

TP Thanh Hóa, ngày 27 tháng 6 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLST - DSST ngày 22/01/2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Q - Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N.

(Theo Giấy ủy quyền số 193/UQ- VCB-PC ngày 10/4/2018 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP N).

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Trọng H - Phó trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N.

(Theo Giấy ủy quyền số 222/UQ- VCB.NS ngày 26/11/2018 của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N).

Bị đơn: Ông Lê Quang H - sinh năm: 1962

Bà Đối Thị L - sinh năm: 1970

ĐKNKTT tại: đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đối Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị H2.

Cùng địa chỉ: SN 22, Tô Hiến Thành, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 26/11/2018 ông Lê Quang H và bà Đới Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP N theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 162/2017.TG/HĐTD ngày 09/11/2017; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 68/2017.TG/HĐTD ngày 03/5/2017 số tiền gốc: 10.426.300.000đ; tiền lãi trong hạn: 627.904.682đ, tiền lãi phạt: 2.475.754đ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi: 11.056.680.436đ.

Ông Lê Quang H và bà Đới Thị L có trách nhiệm trả khoản tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N vào các đợt như sau:

- Đợt 1: Ngày 20/7/2019 thanh toán số tiền gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).
- Đợt 2: Ngày 20/8/2019 thanh toán số tiền gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).
- Đợt 3: Ngày 20/9/2019 thanh toán số tiền gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).
- Đợt 4: Ngày 20/10/2019 thanh toán số tiền gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).
- Đợt 5: Ngày 20/11/2019 thanh toán số tiền gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).
- Đợt 6: Ngày 20/12/2019 thanh toán số tiền gốc còn lại 426.300.000đ (Bốn trăm hai sáu triệu ba trăm nghìn đồng), số tiền lãi: 630.380.436đ (Sáu trăm ba mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn bốn trăm ba sáu đồng) và số tiền lãi, lãi phạt, phí và phí phạt phát sinh đối với toàn bộ dư nợ gốc tính từ ngày 27/11/2018 đến khi ông Lê Quang H và bà Đới Thị L hoàn thành hết nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Nếu ông Lê Quang H và bà Đới Thị L vi phạm bất kỳ thời hạn trả nợ nào và số tiền phải trả của mỗi thời hạn thì được coi là vi phạm toàn bộ kế hoạch trả nợ theo sự thỏa thuận nêu trên và Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đảm bảo cho việc vay vốn theo:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 162/2017.TG/HĐTC ngày 01/12/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP N với Ông Lê Quang H và bà Đới Thị L gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13, diện tích 150,9 m², có địa chỉ tại: đường H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 028098 do UBND TP T cấp cho Bà Đới Thị L ngày 20/11/2017, số vào sổ cấp GCN: CH 01785/11378/QĐ-UBND và trang bổ sung giấy chứng nhận sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được UBND thành phố T cấp ngày 29/11/2017 theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 68.2/2017.TG/HĐTC ngày 03/05/2017 và phụ lục số 01 ngày 23/10/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP N với ông Đới Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị H2 gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13, diện tích: 174,1m², địa chỉ tại đường H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 917923 do UBND TP T cấp cho ông Đới Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị H2 ngày 14/12/2016, số vào sổ cấp

GCN: CH 01463/21709/QĐ-UBND và trang bổ sung giấy chứng nhận sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được UBND thành phố T cấp ngày 18/10/2017 theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 68.1/2017.TG/HĐTC ngày 03/05/2017 và phụ lục số 01 ngày 06/10/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP N với ông Đới Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị H2 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 178, tờ bản đồ số 13, diện tích 74m², địa chỉ tại đường H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 917922 do UBND TP T cấp cho ông Đới Sỹ T2 và bà Nguyễn Thị H2 ngày 14/12/2016, số vào sổ cấp GCN: CH 01464/21709/QĐ-UBND theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng.

Ông Lê Quang H và bà Đới Thị L tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản dư nợ gốc, kể từ ngày 27/11/2018 cho đến khi thanh toán hết số nợ theo mức lãi suất và các điều khoản quy định mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 162/2017.TG/HĐTD ngày 09/11/2017; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 68/2017.TG/HĐTD ngày 03/5/2017.

Về án phí: Ông Lê Quang H và bà Đới Thị L chịu 59.528.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại toàn bộ số tiền 57.079.000đ tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP N theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006744 ngày 11/01/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND TPTH;
- Thi hành án TP;
- Các đ-ơng sự;
- L- u HS .

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh